

Bản án số: 113/2019/HS-PT
Ngày: 25-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Đồng

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2019/TLPT-HS ngày 23-10-2019 đối với bị cáo Đỗ Xuân K và các đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 06/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

1. **Đỗ Xuân K**, sinh ngày 28/12/1976 tại Hà Nội; nơi cư trú: thôn 1, xã Mỹ Đức, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1945 và bà Trịnh Thị B, sinh năm 1950 (*cả hai đã chết*); vợ Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1982 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

2. **Hoàng Xuân T**, sinh ngày 15/4/1981 tại Hà Nội; nơi cư trú: thôn 3, xã Mỹ Đức, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1942 (*đã chết*) và bà Đinh Thị L, sinh năm 1944; vợ Lê Thúy H, sinh năm 1979 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

3. **Cao Văn Q**, sinh ngày 01/5/1989 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: thôn 3, xã Mỹ Đức, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học

vấn: lớp 4/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Cao Văn V, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

4. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 09/8/1972 tại Hà Nội; nơi cư trú: thôn 4, xã Lộc Bắc, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 7/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944; vợ Hoàng Thị H, sinh năm 1978 (chưa đăng ký kết hôn) và có 4 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”; tiền sự: không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

5. **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 10/10/1985 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn 3, xã Mỹ Đức, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; vợ Đàm Thị L, sinh năm 1981 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

6. **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 08/02/1983 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: thôn 7, xã Mỹ Đức, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950 (*đã chết*); vợ Phạm Thị T, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: ngày 01/11/2017 bị Chủ tịch UBND huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 07 giờ 10 phút ngày 24/11/2018, thông qua công tác kiểm tra, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tại xã Mỹ Đức phát hiện tại vị trí khoảng 1 tiểu khu 522 xã Mỹ Đức xảy ra tình trạng khai thác rừng trái phép. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định có tất cả 32 cây gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII bị khai thác trái phép, trong đó 29 cây bị cắt hạ, 02 cây bị gãy thân và 01 cây bị bật gốc do hành vi khai thác. Khối lượng lâm sản còn lại tại hiện trường là 28,221m³ (chủ yếu là ngọn cây, cành cây, phần thân cây bị xam, bông) khối lượng lâm sản bị lấy đi khỏi hiện trường là 21,710m³ (phần thân cây). Tổng trữ lượng lâm sản thiệt hại là 49,931m³, đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, lâm phần do Công ty Cao su Đa Tẻ quản lý. Quá trình điều tra đã xác định được Đỗ Xuân K, Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh M, Đinh Văn T, Đỗ Bá S, Nguyễn Mạnh H,

Trần Văn H là những người đã có hành vi khai thác trái phép 23/32 cây với tổng trữ lượng lâm sản thiệt hại là 35,309m³. Chia thành 03 đợt khai thác như sau:

Đợt thứ nhất:

Vào khoảng thời gian cuối tháng 10 năm 2018, do biết ông Cao Văn V, sinh năm 1954, trú tại thôn 3, xã Mỹ Đức, Đa Tềh có nhu cầu mua cây “đà” để làm nhà nên Đỗ Xuân K, sinh năm 1976, trú tại thôn 1, xã Mỹ Đức, Đa Tềh rủ Hoàng Xuân T, sinh năm 1981, trú tại thôn 3, xã Mỹ Đức, Đa Tềh cùng đi khai thác gỗ xẻ thành cây đà để bán cho ông Vinh, Tùng đồng ý. Kỳ và Tùng bàn bạc với nhau lên khu vực rừng giáp ranh giữa đất rừng của huyện Đ với đất rừng của xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm để cưa hạ cây và xẻ gỗ làm cây đà. Khoảng 1 tuần sau, Kỳ và Tùng mang theo cưa máy cầm tay của Kỳ lên khu vực rừng thuộc Tiểu khu 522 xã Mỹ Đức cưa hạ 01 cây gỗ Chua Khế rồi cắt khúc dài 5,8^m rồi đi về. Đến ngày hôm sau thì có thêm Cao Văn Q, sinh năm 1989, trú tại thôn 3, xã Mỹ Đức, Đa Tềh xin đi khai thác gỗ cùng thì Kỳ đồng ý. Sau đó Kỳ, Tùng, Quyết đã lên khu vực rừng thuộc Tiểu khu 522 xã Mỹ Đức tại vị trí mà Kỳ và Tùng đã cưa hạ cây Chua Khế ngày hôm trước để xẻ gỗ thành cây đà. Khi đi, Tùng mang theo 01 cưa máy cầm tay. Đến ngày thứ ba thì Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn 7, xã Mỹ Đức, Đa Tềh cùng tham gia khai thác gỗ với Kỳ, Tùng, Quyết và trong ngày này Dũng cưa hạ 01 cây Chua Khế rồi cắt thành khúc để xẻ gỗ làm cây đà. Đến ngày thứ tư, Dũng tiếp tục cưa hạ thêm 01 cây Chua Khế rồi cắt khúc, xẻ gỗ làm cây đà. Đến ngày thứ năm thì có thêm Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, trú tại thôn 4, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm và Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985, trú tại thôn 3, xã Mỹ Đức, Đa Tềh cùng đi khai thác gỗ với nhóm của Kỳ. Trong 05 ngày, Kỳ, Tùng, Quyết, Dũng, Hải và Nguyễn Văn H1 đã cưa hạ 03 cây Chua Khế (có số hiệu: 03, 05, 08) và làm gãy đổ 02 cây Còng, Trâm (có số hiệu 27, 28 trên sơ đồ hiện trường), cắt khúc, xẻ thành 100 cây đà có kích thước 5,7^m x 05^{cm} x 10^{cm} rồi vận chuyển ra để gần đường ĐT 725. Sau đó Kỳ thuê xe ô tô của Kiều Thị H, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố 9, thị trấn Đa Tềh, huyện Đ để vận chuyển gỗ, bà H đã gọi điện cho tài xế là Phan Văn Thủy, sinh năm 1976, trú tại thôn 6, xã Mỹ Đức, huyện Đ điều khiển xe ô tô biển số 49H-6548 của H lên chở 100 cây đà gỗ về nhà cho ông Vinh ở thôn 3, xã Mỹ Đức, huyện Đ. Ông Vinh đã trả số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), Kỳ chia tiền cho từng người tùy theo ngày công tham gia.

Kết quả xác định hiện trường xác định 05 cây gỗ bị khai thác trái phép có số hiệu: 03, 05, 08, 25, 27 trong sơ đồ hiện trường với tổng trữ lượng gỗ khai thác trong đợt 1 là 15,415 m³. Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định: Giá trị lâm sản thiệt hại đối với 15,415 m³ gỗ (từ nhóm V - VIII) là: 27.165.659đ (hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi chín đồng).

Đợt thứ hai:

Khoảng 01 tuần sau, bà Kiều Thị H gọi điện hỏi Kỳ có gỗ bán không thì Kỳ nói có, nên H và Kỳ thỏa thuận kích cỡ, loại gỗ và giá. Sau đó, Kỳ, Tùng, Quyết, Hải cùng Nguyễn Thanh M, sinh năm 1986, Đình Văn T, sinh năm 1986,

cùng trú tại thôn 2, xã Mỹ Đức, huyện Đ và Đỗ Bá S, sinh năm 1977, trú tại thôn 2, xã Mỹ Đức, huyện Đ tiếp tục lên khu vực rừng thuộc khoảnh 1, Tiểu khu 522 thuộc địa bàn xã Mỹ Đức gần vị trí đã khai thác trước đó để cưa, xẻ gỗ bán cho H. Sau đó, trong khoảng 03 ngày, Kỳ cùng với Tùng, Quyết, Hải, Mạnh, Tuấn, Sử tham gia cưa hạ 10 cây gỗ các loại (có số hiệu: 01, 16, 20, 21, 22, 23, 24, 30, 31, 32 trong sơ đồ hiện trường), trong đó các cây số 16, 30, 31 là những cây bị bật gốc, gãy đổ do khai thác cây khác và dọn đường để vận chuyển gỗ. Sau khi xẻ được khoảng 20 hộp gỗ dài 2^m20 Kỳ cùng với Tùng, Quyết, Hải, Mạnh, Tuấn, Sử sử dụng xe máy độ chế vận chuyển gỗ ra gần đường ĐT725, rồi Kỳ điện thoại cho H nói lên chở gỗ về thì H nói Thủy là lái xe ô tô thuê cho H điều khiển xe ô tô tải, biển số 49H – 6548 lên chở gỗ về cho H. Sau đó, H đo khối lượng gỗ được 4,2m³ và trả cho Kỳ số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng). Kỳ cầm tiền trừ chi phí rồi chia cho những người tham gia khai thác gỗ tùy theo ngày công tham gia.

Kết quả xác định hiện trường xác định 10 cây gỗ bị khai thác trái phép, gồm các cây gỗ có số hiệu: 01, 16, 20, 21, 22, 23, 24, 30, 31, 32 trong sơ đồ hiện trường với tổng trữ lượng gỗ khai thác trong đợt 2 là: 8,656 m³. Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định: giá trị lâm sản thiệt hại đối với 8,656 m³ gỗ (từ nhóm V -VI) là: 16.048.508đ (mười sáu triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm lẻ tám đồng).

Đợt thứ ba:

Sau khi trả tiền mua gỗ đợt thứ hai, H nói với Kỳ là vẫn còn thiếu gỗ và có nhu cầu mua thêm số lượng gỗ khoảng bằng khối lượng gỗ vừa mua nên Kỳ đồng ý. Sau đó Kỳ gọi cho những người cùng tham gia khai thác gỗ trước đó để đi làm. Khoảng 03 ngày sau, Kỳ cùng với Quyết, Hải, Mạnh, Tuấn, Sử, Nguyễn Văn H1 và rủ thêm Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1976, và Trần Văn H, sinh năm 1982, cùng trú tại xã Mỹ Đức, huyện Đ tham gia khai thác gỗ. Sau đó, Kỳ cùng Quyết, Hải, Mạnh, Tuấn, Sử, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Mạnh H, Trần Văn H đã lên khu vực rừng thuộc Tiểu khu 522 xã Mỹ Đức đã khai thác gỗ trước đó để tiếp tục cưa hạ 08 cây gỗ các loại (có số hiệu: 02, 07, 09, 10, 11, 13, 26, 28 trong sơ đồ hiện trường, trong đó cây số 26 là cây bị gãy thân do việc khai thác trái phép cây số 07 gây ra). Sau đó các bị can xẻ trong 02 ngày thành các hộp gỗ dài 2^m20 rồi sử dụng xe máy độ chế vận chuyển gỗ ra gần đường ĐT 725. Kỳ điện thoại cho H nói lên chở gỗ về. H tiếp tục nói Thủy điều khiển xe ô tô lên chở gỗ về cho H. Sau khi mua gỗ, H đo khối lượng gỗ được 4,6m³ nên đã trả cho Kỳ số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng). Sau khi trừ chi phí, Kỳ chia cho những người tham gia theo ngày công.

Kết quả xác định hiện trường xác định 08 cây gỗ bị khai thác trái phép gồm các cây gỗ có số hiệu: 02, 07, 09, 10, 11, 13, 26, 28 trong sơ đồ hiện trường với tổng trữ lượng gỗ khai thác là: 11,239 m³. Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định: giá trị lâm sản thiệt hại đối với 11,239 m³ gỗ (từ nhóm V -VIII) là: 18.755.469đ (mười tám triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng).

Tại bản Cáo trạng số 20/CT- VKSĐT ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố:

Các bị cáo Đỗ Xuân K, Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh M, Đinh Văn T, Đỗ Bá S, Nguyễn Mạnh H và bị cáo Trần Văn H về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Bản án số 21/2019/HS-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân K, Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh M, Đinh Văn T, Đỗ Bá S, Nguyễn Mạnh H và bị cáo Trần Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân K 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Cao Văn Q 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh M 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Bá S 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thanh M, Đinh Văn T, Đỗ Bá S, Nguyễn Mạnh H và bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bản án còn giải quyết phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 16/9/2019 bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 17/9/2019 bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 18/9/2019 các bị cáo Đỗ Xuân K, Nguyễn Văn H1, Hoàng Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, không thắc mắc khiếu nại bản án sơ thẩm, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Xuân K, Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Xuân T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Cao Văn Q, giảm cho mỗi bị cáo 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng cuối tháng 9 đầu tháng 10/2018 bị cáo Đỗ Xuân K đã rủ các bị cáo Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh M, Đinh Văn T, Đỗ Bá S, Nguyễn Mạnh H và bị cáo Trần Văn H đi khai thác gỗ trái phép tại Khoảnh 1, Tiểu khu 522, xã Mỹ

Đức, huyện Đ thuộc đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, lâm phần do Công ty cổ phần Cao su Đa Tễ quản lý, để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

Đợt 1: Vào khoảng giữa tháng 10/2018, bị cáo Kỳ rủ các bị cáo Hải, Dũng, Quyết, Tùng, Văn Hùng khai thác trái phép 05 cây gỗ với khối lượng lâm sản thiệt hại 15,415 m³, giá trị lâm sản thiệt hại là 27.165.659đ.

Đợt 2: Vào khoảng cuối tháng 10/2018, bị cáo Kỳ rủ các bị cáo Tuấn, Hải, Quyết, Mạnh, Tùng và bị cáo Sử tiếp tục lên khu vực rừng thuộc khoanh 1, Tiểu khu 522 thuộc địa bàn xã Mỹ Đức khai thác trái phép 10 cây gỗ, khối lượng lâm sản thiệt hại 8,656 m³, giá trị lâm sản thiệt hại là 16.048.508đ.

Đợt 3: Sau khi bán gỗ cho bà Kiều Thị H thì bà H nói có nhu cầu mua khoảng 4m³ gỗ nữa nên bị cáo Kỳ tiếp tục rủ các bị cáo Tuấn, Hải, Quyết, Hiền, Mạnh Hùng, Mạnh, Sử và bị cáo Văn Hùng khai thác trái phép 08 cây gỗ, khối lượng lâm sản thiệt hại 11,239 m³, giá trị lâm sản thiệt hại là 18.755.469đ.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo; người liên quan, vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng. Cấp sơ thẩm tuyên bố đã tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân K, Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh M, Đinh Văn T, Đỗ Bá S, Nguyễn Mạnh H, Trần Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ Xuân K, Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H xin giảm nhẹ hình phạt: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự quản lý, bảo vệ rừng tại địa pH. Bị cáo Đỗ Xuân K giữ vai trò chủ mưu, cùng với Cao Văn Q, Nguyễn Văn H tham gia đầy đủ 03 đợt khai thác gỗ trái phép, với tổng trữ lượng gỗ là 35.309m³ gây thiệt hại tổng giá trị lâm sản là 61.969.636đ. Bị cáo Hoàng Xuân T tham gia 02 đợt khai thác gỗ trái phép, với tổng khối lượng gỗ bị cáo Tùng khai thác trái phép là 24.071 m³ gây thiệt hại tổng giá trị lâm sản 43.214.167đ. Bị cáo Nguyễn Văn H1 tham gia 02 đợt khai thác gỗ trái phép, với tổng khối lượng gỗ khai thác trái phép là 26.654m³, gây thiệt hại tổng giá trị lâm sản là 45.921.128đ. Bị cáo Nguyễn Văn D tham gia 01 đợt khai thác gỗ trái phép khai thác trái phép 05 cây gỗ với khối lượng lâm sản thiệt hại 15,415m³, gây thiệt hại giá trị lâm sản 27.165.659đ.

Bị cáo Kỳ đã từng bị xử phạt tù, tuy được xóa án tích nhưng coi là có nhân thân xấu. Bị cáo Hải đã bị xử phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, do đó không có cơ sở để xem xét kháng cáo.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Quyết, Tùng, Hải có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân, huy cH và bị cáo Quyết được Chủ tịch UBND xã Mỹ Đức, huyện Đ tặng giấy khen vì đã có thành

tích trong công tác huấn luyện quân sự năm 2014 nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong đợt khai thác thứ nhất, bị cáo Hải và Hùng chỉ tham gia vào ngày thứ 5, các bị cáo Kỳ, Tùng, Quyết, Dũng tham gia đủ cả 5 ngày; bị cáo Hùng không tham gia đợt 2; bị cáo Dũng không tham gia đợt 2 và đợt 3; bị cáo Tùng không tham gia đợt 3. Cấp sơ thẩm không phân hóa đồng phạm đối với từng hành vi của các bị cáo, số ngày công tham gia cưa gỗ mà tính tổng cộng theo từng đợt là chưa phù hợp, nên quyết định hình phạt như vậy là không phù hợp, do đó có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D như đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Kỳ, Hải phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Tùng, Quyết, Hùng, Dũng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Xuân K, Nguyễn Văn H; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân K, Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân K 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn Q 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 18

(mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo Đỗ Xuân K, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Hoàng Xuân T, Cao Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đ (07);
- VKSND huyện Đ (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện Đ (01);
- Cơ quan THAHS CA huyện Đ (01);
- Bị cáo (06);
- Lưu hồ sơ THAHS (06);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Bình

